

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phú và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,*

### NGHỊ ĐỊNH:

*Điều 1. - Nay chia hai huyện Vĩnh Lạc và Thanh Hòa thuộc tỉnh Vĩnh Phú thành các huyện mới như sau:*

#### 1. Chia huyện Vĩnh Lạc thành hai huyện Vĩnh Tường và Yên Lạc.

- *Huyện Vĩnh Tường* có diện tích tự nhiên 14.027 héc ta và 176.830 nhân khẩu, bao gồm thị trấn Vĩnh Tường và 28 xã: Vĩnh Ninh, Phú Đa, Lũng Hòa, Thổ Tang, Tân Cương, Đại Đồng, Tứ Trưng, Cao Đại, Tuấn Chính, Bồ Sao, Vĩnh Sơn, Bình Dương, Văn Xuân, Tam Phúc, Phú Thịnh, Lý Nhân, An Tường, Vĩnh Thịnh, Yên Bình, Tân Tiến, Vũ Di, Thượng Trưng, Chấn Hưng, Vũ Kiên, Kim Xá, Yên Lập, Việt Xuân và Nghĩa Hưng.

Địa giới huyện Vĩnh Tường: phía Đông giáp huyện Yên Lạc; phía Tây giáp thành phố Việt Trì và tỉnh Hà Tây (huyện Ba Vì); phía Nam giáp tỉnh Hà Tây (huyện Ba Vì, Phúc Thọ và thị xã Sơn Tây); phía Bắc giáp huyện Tam Đảo và huyện Lập Thạch.

- *Huyện Yên Lạc* có diện tích tự nhiên 11.039 héc ta và 140.683 nhân khẩu, bao gồm 17 xã: Đồng Cương, Bình Định, Trung Nguyên, Tề Lỗ, Minh Tân, Tam Hồng, Yên Đồng, Đại Tự, Hồng Châu, Liên Châu, Trung Hà, Trung Kiên, Hồng Phương, Nguyệt Đức, Văn Tiến, Yên Phương và Đồng Văn.

Địa giới huyện Yên Lạc: phía Đông giáp huyện Mê Linh; phía Tây giáp huyện Vĩnh Tường; phía Nam giáp tỉnh Hà Tây (huyện Phúc Thọ); phía Bắc giáp huyện Tam Đảo và thị xã Vĩnh Yên.

#### 2. Chuyển 10 xã vùng thượng của huyện Sông Thao là các xã: Hiền Lương, Quân Khê, Động Lâm, Lâm Lợi, Xuân Áng, Chuế Lưu, Bằng Giã, Vô Tranh, Văn Lang, Minh Côi về huyện Thanh Hòa.

Chia huyện Thanh Hòa và 10 xã vùng thượng thuộc huyện Sông Thao thành huyện Thanh Ba và huyện Hạ Hòa.

- *Huyện Thanh Ba* có diện tích tự nhiên 18.596,9 héc ta và 105.041 nhân khẩu, bao gồm thị trấn Thanh Ba và 25 xã: Đỗ Sơn, Phương Lĩnh, Khải Xuân, Vũ Yên, Đồng Xuân, Đông Lĩnh, Đông Thành, Năng Yên, Yên Khê, Lương Lỗ, Yên Nội, Sơn Cương, Hoàng Cương, Thanh Xá, Chí Tiên, Đỗ Xuyên, Thanh Hà, Quảng Nạp, Thái Ninh, Thanh Văn, Đại An, Mạn Lạn, Hạnh Cù, Ninh Dân, Vô Lao.

Địa giới huyện Thanh Ba: phía Đông giáp huyện Phong Châu và thị xã Phú Thọ; phía Tây giáp huyện Sông Thao; phía Nam giáp huyện

Tam Thanh; phía Bắc giáp huyện Hạ Hòa và huyện Đoan Hùng.

- *Huyện Hạ Hòa* có diện tích tự nhiên 26.481,81 héc ta và 114.052 nhân khẩu, bao gồm 33 xã: Lệnh Khanh, Cáo Điền, Âm Hạ, Phương Viên, Hậu Bồng, Đại Phạm, Đan Hà, Âm Thượng, Gia Điền, Y Sơn, Yên Luật, Lạng Sơn, Chính Công, Yên Kỳ, Mai Tùng, Liên Phương, Hà Lương, Hương Xạ, Vụ Cầu, Minh Hạc, Vĩnh Chân, Phụ Khánh, Đan Thượng, Minh Côi, Văn Lang, Vô Tranh, Bằng Giã, Chuế Lưu, Xuân Áng, Lâm Lợi, Quán Khê, Hiền Lương và Đồng Lâm.

Địa giới huyện Hạ Hòa: phía Đông giáp huyện Đoan Hùng; phía Tây giáp huyện Yên Lập; phía Nam giáp huyện Thanh Ba và huyện Sông Thao; phía Bắc giáp tỉnh Yên Bái (huyện Trấn Yên và huyện Yên Bình).

Sau khi điều chỉnh địa giới:

Huyện Sông Thao còn lại 22.499,09 héc ta diện tích tự nhiên và 124.492 nhân khẩu, bao gồm thị trấn Sông Thao và 30 xã: Đồng Lương, Điều Lương, Văn Khúc, Cát Trù, Hiền Đa, Tình Cương, Phú Lạc, Chương Xá, Tạ Xá, Phú Khê, Yên Tập, Xương Thịnh, Sơn Tinh, Hương Lung, Sai Nga, Sơn Nga, Thanh Nga, Phương Xá, Phùng Xá, Thượng Vỹ, Ngô Xá, Tùng Khê, Văn Bán, Thụy Liễu, Tuy Lộc, Yên Dương, Tiền Lương, Đồng Cam, Tam Sơn, Cấp Dẫn.

*Điều 2.-* Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

*Điều 3.-* Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phú và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 81-CP ngày 23-11-1995 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ Luật Lao động về lao động là người tàn tật.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

## NGHỊ ĐỊNH:

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.-** Người tàn tật nói trong Nghị định này là người mà khả năng lao động bị suy giảm từ 21% trở lên do tàn tật, được Hội đồng Giám định y khoa xác nhận.

**Điều 2.-**

1. Cơ sở dạy nghề dành riêng cho người tàn tật nói trong Nghị định này bao gồm các trường, các trung tâm do Nhà nước, tổ chức và cá nhân lập ra để đào tạo, đào tạo lại, bổ túc dạy nghề cho người tàn tật theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dạy nghề dành riêng cho người tàn tật phải thường xuyên có ít nhất 70% số học viên là người tàn tật.

**Điều 3.-**

1. Cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho lao động là người tàn tật nói trong Nghị định này bao gồm các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty, hợp tác xã, tổ sản xuất được lập ra theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho lao động là người tàn tật phải có đủ điều kiện sau đây:

a) Có từ 10 lao động trở lên, trong đó có trên 51% số lao động là người tàn tật;

b) Có quy chế hoặc điều lệ phù hợp với đối tượng lao động là người tàn tật.

**Điều 4.-** Hàng năm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì cùng Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch trình Chính phủ dành một khoản ngân sách để giúp đỡ người tàn tật phục hồi sức khỏe, phục hồi chức năng lao động, học nghề, tạo việc làm; hỗ trợ các cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật; hỗ trợ các doanh nghiệp nhận số người tàn tật vào học nghề, vào làm việc cao hơn tỷ lệ quy định tại Điều 14 Nghị định này.

**Điều 5.-**

1. Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập quỹ việc làm cho người tàn tật để trợ giúp người tàn tật phục hồi chức năng lao động và tạo việc làm.

2. Quỹ việc làm cho người tàn tật được hình thành từ các nguồn sau đây:

a) Từ ngân sách địa phương;

b) Từ quỹ quốc gia về việc làm;

c) Khoản thu từ các doanh nghiệp nộp hàng tháng do không nhận đủ lao động là người tàn tật

vào làm việc theo quy định tại Điều 14 Nghị định này;

d) Các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước trợ giúp;

e) Các nguồn thu khác.

3. Quỹ việc làm cho người tàn tật được sử dụng vào các mục đích:

a) Cấp để hỗ trợ cho các đối tượng:

- Các cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu, duy trì việc dạy nghề và phát triển sản xuất;

- Các doanh nghiệp nhận số lao động là người tàn tật vào làm việc cao hơn tỷ lệ quy định tại Điều 14 Nghị định này.

b) Cho vay với lãi suất thấp đối với các đối tượng dưới đây:

- Cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật;

- Cá nhân và nhóm lao động là người tàn tật;

- Cơ sở dạy nghề có nhận người tàn tật vào học nghề;

- Doanh nghiệp nhận số lao động là người tàn tật vào làm việc cao hơn tỷ lệ quy định tại Điều 14 Nghị định này.

c) Các hoạt động phục hồi chức năng lao động cho người tàn tật.

**Điều 6.-**

1. Bộ Tài chính chủ trì cùng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc lập và sử dụng quỹ việc làm cho người tàn tật của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm kiểm tra việc sử dụng quỹ, bảo đảm quỹ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng.

## Chương II

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI CƠ SỞ DẠY NGHỀ,  
CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH  
DÀNH RIÊNG CHO NGƯỜI TÀN TẬT

**Điều 7.-** Cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật được xét cấp hỗ trợ một phần kinh phí từ quỹ việc làm cho người tàn tật của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi có dự án đào tạo, đào tạo lại cho người lao động là người tàn tật, duy trì và phát triển sản xuất, thu nhận thêm người tàn tật vào làm việc hoặc để tạo lập cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu.

Mức cấp kinh phí theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 8.-** Cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật khi có dự án dạy nghề, dự án phát triển sản xuất, được vay vốn với lãi suất thấp từ quỹ việc làm cho người tàn tật của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các nguồn vốn của Nhà nước.

**Điều 9.-** Cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật được ưu tiên giao đất hoặc cho thuê đất ở những địa điểm thuận lợi cho việc tổ chức dạy nghề và sản xuất kinh doanh cho người tàn tật.

**Điều 10.-** Cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật được miễn các loại thuế. Thủ tục miễn thuế theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 11.-** Các nguồn vốn do Nhà nước cấp, do tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước trợ giúp là tài sản của Nhà nước giao cho cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật quản lý, sử dụng, nhằm phục vụ lợi ích chung cho tập thể, không được chia cho cá nhân.

#### **Điều 12.-**

1. Người tàn tật học nghề, bổ túc nghề tại các cơ sở dạy nghề do Nhà nước quản lý được hưởng các chế độ sau:

a) Được giảm 50% mức học phí đối với người mà khả năng lao động bị suy giảm từ 31% đến 40%;

b) Được miễn nộp học phí đối với người mà khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên. Trong thời gian học nghề, bổ túc nghề, người tàn tật bị suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên nếu không hưởng lương, sinh hoạt phí hoặc học bổng thì hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội từ ngân sách Nhà nước là 100.000 đồng.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc miễn, giảm học phí và trợ cấp xã hội quy định tại Khoản 1 Điều này.

### **Chương III**

#### **QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ VÀ DOANH NGHIỆP NHẬN NGƯỜI TÀN TẬT VÀO HỌC NGHỀ VÀ LÀM VIỆC**

#### **Điều 13.-**

1. Những nơi nhận người tàn tật vào học nghề được xét giảm thuế doanh thu từ dạy nghề theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Những nơi nhận người tàn tật vào học nghề được vay vốn với lãi suất thấp từ quỹ việc làm cho người tàn tật của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi có dự án dạy nghề.

#### **Điều 14.-**

1. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, mọi hình thức sở hữu phải nhận một tỷ lệ lao động là người tàn tật vào làm việc, theo quy định sau đây:

a) 2% đối với doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất điện năng, luyện kim, hóa chất, địa chất, đo đạc bản đồ, dầu khí, khai thác mỏ, khai thác khoáng sản, xây dựng cơ bản, vận tải;

b) 3% đối với doanh nghiệp thuộc các ngành còn lại.

2. Tỷ lệ người tàn tật các doanh nghiệp phải tiếp nhận là tỷ số giữa số người tàn tật so với tổng số lao động có mặt bình quân tháng của doanh nghiệp.

#### **Điều 15.-**

1. Doanh nghiệp tiếp nhận số lao động là người tàn tật vào làm việc thấp hơn tỷ lệ quy định tại Điều 14 Nghị định này thì hàng tháng phải nộp vào quỹ việc làm cho người tàn tật một khoản tiền theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp tiếp nhận số lao động là người tàn tật vào làm việc cao hơn tỷ lệ quy định tại Điều 14 Nghị định này, khi sản xuất kinh doanh gặp khó khăn hoặc có dự án phát triển sản xuất, được xét cho vay vốn với lãi suất thấp hoặc được hưởng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

**Điều 16.-** Những nơi dạy nghề cho người tàn tật hoặc có sử dụng lao động là người tàn tật, ngoài việc tuân theo những quy định chung của Bộ Luật Lao động còn phải tạo điều kiện thuận lợi cho người tàn tật làm việc như: bố trí máy móc, thiết bị; trang bị phương tiện bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với tâm, sinh lý đối với từng loại khuyết tật hoặc nhóm khuyết tật của người tàn tật.

### **Chương IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 17.-** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Những quy định về lao động là người tàn tật trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 18.-** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 19.-** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ  
K.T. Thủ tướng  
Phó Thủ tướng  
PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 86-CP ngày 8-12-1995 quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 27 tháng 12 năm 1990;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

*Chương I*

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.-** Quản lý Nhà nước đối với chất lượng hàng hóa là bảo đảm sự kiểm soát cần thiết của Nhà nước đối với chất lượng hàng hóa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu; kịp thời uốn nắn các sai sót và ngăn chặn hậu quả gây thiệt hại tài sản Nhà nước, quyền lợi và uy tín quốc gia, quyền lợi và sức khỏe của nhân dân do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra.

**Điều 2.-** Việc phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa cho các Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương nhằm mục đích sau:

1. Nâng cao vai trò trách nhiệm quản lý chất lượng hàng hóa của các Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương trong các hoạt động kiểm soát chất lượng của toàn bộ quá trình sản xuất (từ định hướng sản xuất đến sản xuất ra sản phẩm và tiêu thụ trên thị trường).

2. Đề xuất với Chính phủ ban hành các chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa thích hợp với nền kinh tế thị trường, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân áp dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ để sản xuất ra sản phẩm có chất lượng đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

**Điều 3.-** Việc phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa theo các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm việc quản lý tập trung, thống nhất trong cả nước, đồng thời phân công trách nhiệm hợp lý đối với các Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương nhằm tránh chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng quản lý. Các Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chính phủ trong phạm vi được phân công quản lý.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, đồng thời có sự điều chỉnh phù hợp với khả năng, nghiệp vụ kỹ thuật chuyên sâu của từng Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ để khắc phục những tồn tại trong các quy định đã ban hành.

3. Đối với một số loại hàng hóa đặc thù có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, đến an toàn về môi trường và sản xuất (nói ở Điều 4 Chương II), việc quản lý về chất lượng (bao gồm các khâu từ chuẩn bị sản xuất đến sản xuất ra sản phẩm lưu thông phân phối sử dụng, xuất khẩu, nhập khẩu) được giao cho các Bộ quản lý chuyên ngành.

4. Các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương trong phạm vi phụ trách của mình, có trách nhiệm cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng nêu trong các Điều 5, 6, 7, 8 và 9 Chương II của Nghị định này.

*Chương II*

**PHÂN CÔNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA**

**Điều 4.-** Việc phân công quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa giữa các Bộ, các ngành được thực hiện như sau:

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là cơ quan chức năng giúp Chính phủ chỉ đạo và thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa, đề ra các chủ trương chính sách chung, quản lý thống nhất về nghiệp vụ và kiểm tra các Bộ quản lý chuyên ngành, các cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương trong việc chấp hành các quy định đó.

Bộ quản lý chuyên ngành, các cơ quan thuộc Chính phủ có nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng các văn bản hướng dẫn, các quy định về bảo đảm và kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc phạm vi